

Bản án số: 890/2018/DS-PT

Ngày: 3/10/2018

*V/v Tranh chấp đòi tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Đắc Phú

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Nguyễn Thị Huyền  
2/ Ông Uông Văn Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Trang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18, 26 tháng 9 năm 2018 và ngày 3 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 03 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 591/2017/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của ông Ngô Văn H ngày 13/02/2018, kháng cáo của ông Phạm Văn N ngày 12/02/2018.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3916/2018/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: 49 Đường 20, phường L, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: 43/24 C, phường 4, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Lầu 4, số 9 Công trường S, phường Y, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Công ty Cổ phần Vàng và Đá quý Đ

Địa chỉ: Thôn E, xã A, huyện V, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền là Ông Nguyễn Văn M (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 19/02/2017) (vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn - ông Phạm Văn N ngày 12/02/2018; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Văn H ngày 13/02/2018.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Nguyên đơn trình bày: Năm 2000 tôi là giám đốc Công ty Đá quý và Vàng Thành J, ông N là Chánh văn phòng. Do công ty gặp khó khăn về tài chính nên tôi đứng ra cho Công ty vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và nhờ ông N đứng tên giùm trong khế ước cho công ty vay tiền. Sau đó, phòng kế toán của công ty có chi trả trước cho ông N số tiền 16.500.000đ và ông N đã trả số tiền này cho tôi. Năm 2001, tôi chuyển công tác, ông N được bổ nhiệm là giám đốc công ty thì công ty còn nợ lại tôi theo khế ước số tiền là 83.835.000đ. Ngày 21/01/2003 Công ty lập phiếu chi số 19 chi trả số tiền này cho ông N, ông N đã ký nhận vào phiếu chi nhưng không trả lại số tiền trên cho tôi. Ông N cho rằng mặc dù ông có ký nhận tiền nhưng thực tế ông không nhận tiền mà chỉ là hợp thức hóa sổ sách kế toán nên ông N không trả số tiền này.

Nay tôi yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 83.835.000 đồng.

[2] Bị đơn ông Phạm Văn N trình bày: Tôi xác nhận có đứng tên giùm ông T trong khế ước cho công ty vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Sau đó kế toán Công ty làm các thủ tục chi trả theo khế ước vay và tôi có ký vào các phiếu chi này nhưng không nhận tiền và không rõ số tiền đã ký là bao nhiêu. Đến ngày 20/01/2003, tôi ký phiếu đề nghị chi số 01 và ngày 21/01/2003 tôi có ký nhận tiền vào phiếu chi số 19 với số tiền là 83.835.000đ. Tuy nhiên tôi chỉ ký tên trong khế ước cho vay và các phiếu chi theo đề xuất của kế toán Công ty chứ không nộp tiền vào Công ty cũng như không nhận tiền công ty chi trả mà số tiền này công ty trừ vào khoản tiền ông T nhận tiền từ Công ty tạm ứng cho ông Ngô Văn H để làm chi phí cho việc thực hiện dự án đá Zircon. Do vậy, tôi không đồng ý trả lại số tiền 83.835.000đ cho ông T vì thực chất ông T không nộp tiền vào công ty và cũng không nhận tiền Công ty trả cho ông T.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Văn H trình bày: Từ tháng 3 đến tháng 05/2005 ông T đã nhận của tôi 8.000USD và khoảng 7.000.000đ, lúc giao không có ký nhận vì đây là tiền tôi tạm ứng của công ty để thực hiện dự án đá Zircon trong đó có 2.000 USD anh Q nhận từ tiền tạm ứng của tôi để giao cho ông T, anh T không đưa lại các hóa đơn, chứng từ thanh toán cho Công ty nên tôi phải nợ lại Công ty số tiền là 200.000.000đ. Chính ông T đưa tôi tờ giấy không chỉ có đóng dấu, ký tên sẵn rồi kêu tôi điền vào nội dung của “ Biên bản xác nhận các khoản chi phí ” và “ bản đối chiếu kiêm giấy nhận nợ ”. Khi ông T bàn giao công việc cho ông N thì số tiền tôi nợ dự án đá Zircon là 255.398.865đ, trừ khoản tiền 83.835.000đ của

ông T, Công ty xử lý lỗ 67.228.795đ, số còn lại tôi phải trả cho công ty. Nếu ông T đòi ông Nghĩa trả số tiền 83.835.000đ thì tôi yêu cầu ông T trả cho tôi số tiền là 120.200.000đ mà anh T đã nhận của tôi từ số tiền tôi tạm ứng của Công ty để thực hiện dự án đá Zircon.

Công ty Cổ phần Đá quý và Vàng Đ do ông Nguyễn Văn M là đại diện theo ủy quyền tại biên bản lấy lời khai ngày 21/2/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đ trình bày: Sau khi sát nhập Công ty Đá quý và Vàng J và Công ty Đá quý và Vàng F vào Công ty Cổ phần Đá quý và Vàng Đ thì đã có số liệu tồn tại từ trước, tức là đã phát sinh trước khi sát nhập. Sau khi sát nhập vào Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Đ thì Công ty Cổ phần Đá quý và Vàng không chi một khoản tiền nào vào phương án đá Zircon cho Công ty Đá quý và Vàng J. Không có việc ông T đề xuất duyệt chi thanh toán số tiền đã chi cho phương án đá Zircon. Công ty Cổ phần Đá quý và Vàng Đ không liên quan gì đến việc nợ nần giữa ông T với ông N và ông H.

[4] Tại Bản án dân sự sơ thẩm tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn T.

Buộc ông Phạm Văn N có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T số tiền 83.835.000đ (Tám mươi ba triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Ngô Văn H về việc yêu cầu ông Trần Văn T phải trả số tiền là 120.200.000đ. (Một trăm hai mươi triệu hai trăm ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đủ thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Sỹ Hà.

Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn N.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn H.

Do ông Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa nên ngày 07/02/2018 Tòa án nhân dân quận B tổng đạt Bản án sơ thẩm số 591/2017/DS-ST cho ông N. Ngày 09/02/2018 ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án trên của Tòa án nhân dân quận B.

Do ông Ngô Văn H vắng mặt tại phiên tòa nên ngày 30/01/2018 Tòa án nhân dân quận B tổng đạt Bản án sơ thẩm số 591/2017/DSST cho ông H. Ngày 09/02/2018 ông Ngô Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án trên của Tòa án nhân dân quận B.

Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo Ông Ngô Văn H và ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông T trình bày số tiền mà ông N nợ ông là tài sản chung vợ chồng của ông với vợ là bà Trần Thị O. Do đó, theo quy định tại Điều 68 BLTTDS 2015, cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà O.

[3] Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng lần 1 đối với ông Ngô Văn H:

Căn cứ Biên bản (Không thực hiện được việc cấp, tổng đạt) ngày 08/11/2017 do Văn phòng Thừa phát lại quận B lập thì vào ngày này Văn phòng Thừa phát lại quận B có đến địa chỉ Lầu 4, số 9 Công Trường S, phường X, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông Ngô Văn H vắng mặt và không có người nhận thay. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trong trường hợp này Văn phòng Thừa phát lại quận B phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc tổ trưởng tổ dân phố để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay cho người được cấp tổng đạt. Trường hợp ông Ngô Văn H vắng mặt ở Lầu 4, số 9 Công trường S, phường X, Quận 1. Nhưng không có tài liệu nào thể hiện việc Văn phòng thừa phát lại quận B phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an phường X, Quận I, cụ thể tại Biên bản (Không thực hiện được việc cấp, tổng đạt) ngày 08/11/2017 chỉ có chữ ký của CB tư

pháp và xác nhận của Phó Chủ tịch phường X, Quận I theo tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng lần 2 đối với ông Ngô Văn H:

Căn cứ Biên bản (Không thực hiện được việc cấp, tổng đạt) ngày 05/12/2017 do Văn phòng Thừa phát lại quận B lập thì vào ngày này Văn phòng Thừa phát lại quận B có đến địa chỉ Lầu 4, số 9 Công trường S, phường X, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông Ngô Văn H vắng mặt và không có người nhận thay. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, trong trường hợp này Văn phòng Thừa phát lại quận B phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc tổ trưởng tổ dân phố để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay cho người được cấp tổng đạt. Trường hợp ông Ngô Văn H vắng mặt ở Lầu 4, số 9 Công Trường S, phường X, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi trú mới của họ thì Văn phòng Thừa phát lại quận B phải lập biên bản về việc không thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an phường X, Quận I, cụ thể tại Biên bản (Không thực hiện được việc cấp, tổng đạt) ngày 05/12/2017 chỉ có chữ ký của CB tư pháp và xác nhận của Phó Chủ tịch phường X, Quận I theo tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Mặt khác căn cứ Biên bản niêm yết ngày 05/12/2017 tại các địa điểm: Lầu 4, số 9 Công trường S, phường X, Quận I; UBND phường X, Quận I; Toà án nhân dân quận B thể hiện việc niêm yết 03 văn bản sau: Quyết định hoãn phiên toà số 408/QĐST; Quyết định xét xử số 301/QĐXXST-DS đưa vụ án ra xét xử vào ngày 20/12/2017 và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà lúc 08 giờ ngày 24/12/2017. Xét thấy, việc Quyết định xét xử số 301/QĐXXST-DS ngày 24/11/2017 ghi rõ thời gian mở phiên toà 08h00 ngày 20/12/2017 nhưng Giấy triệu tập đương sự lại yêu cầu ông Hà có mặt để tham gia phiên toà lúc 08 giờ ngày 24/12/2017 là có sự mâu thuẫn về thời gian mở phiên toà, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Ngô Văn H chưa được thực hiện theo quy định pháp luật nên việc Toà án nhân dân quận B đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của ông H là chưa đúng pháp luật.

Vì vậy, kháng cáo của ông Ngô Văn H và ông Phạm Văn N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Do cấp sơ thẩm sai sót nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng, cấp Phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó Hội đồng xét xử, hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án án sơ thẩm Ông Phạm Văn N, ông Ngô Văn H không phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí năm 2009; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 591/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm :

Ông Ngô Văn H không phải chịu, hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007871 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn N không phải chịu, hoàn trả số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007870 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đắc Phú**

